

DÒNG TIỀN THẬN TRỌNG

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Vùng cân bằng đã xuất hiện ở nhiều cổ phiếu, tuy nhiên nhà đầu tư vẫn cần hạn chế mua đuổi khi xác xuất tạo đáy 2 ở cổ phiếu và thị trường vẫn có thể diễn ra.
BÁN	Tận dụng các nhịp hồi phục để hạ tỷ lệ đòn bẩy, cơ cấu lại danh mục.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

MSN	THEO DÕI
	↑ 14,85%
	VND 75.800

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm sau khi số liệu thống kê cho thấy KT giảm tốc mạnh và lạm phát cao dai dẳng.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường vẫn chưa biết ai dám chắc chắn đã tạo đáy trong nhịp giảm lần này hay chưa. Hôm 24/04, thị trường tăng điểm mạnh khá bất ngờ nhưng thanh khoản lại không bùng nổ. Điểm tích cực là bên bán cũng giảm nhiệt rất lớn và phiên hôm 25/04 cũng vậy. Xét về mặt tâm lý, dòng tiền có thể cũng nghỉ lễ sớm vì kỳ nghỉ dài sắp đến. Nhìn ở góc độ nào đó, lượng bán không lớn cũng có nghĩa với bên bán giữ hàng là một điểm tích cực. Điều này nếu được duy trì thì thị trường ổn định nếu như không xuất hiện những thông tin thật sự bất lợi.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	38.085,80	-0,98	1,05
S&P 500	5.048,42	-0,46	5,84
Nasdaq	15.611,76	-0,64	4,00
VIX	15,37	-3,76	23,45
DAX	17917,28	-0,95	6,96
FTSE 100	8.078,86	0,48	4,47
CAC40	8.016,65	-0,93	6,28
Hang Seng	17.336,20	0,30	1,69

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	SELL	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	42,05	SELL
MACD(12,26)	-16,78	SELL
ADX(14)	26,89	SELL
SMA5	1.190,61	BUY
SMA20	1.241,13	SELL
SMA50	1.246,26	SELL
SMA100	1.194,42	BUY
SMA200	1.177,77	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Thị trường chứng khoán Mỹ giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Năm (25/4) sau khi số liệu thống kê cho thấy nền kinh tế giảm tốc mạnh và lạm phát cao dai dẳng. Tuy nhiên, giá dầu thô vẫn có một phiên tăng do nhà đầu tư lo ngại bất ổn địa chính trị ở Trung Đông có thể leo thang trở lại.
- Báo cáo từ Bộ Thương mại Mỹ cho thấy tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 1 của nước này tăng 1,6%. Mức tăng này thấp hơn nhiều so với mức dự báo tăng 2,4%. Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) - thước đo lạm phát được Fed ưa chuộng - tăng 3,4% so với cùng kỳ năm ngoái, một sự tăng tốc mạnh so với mức tăng 1,8% ghi nhận trong quý trước. Số liệu này làm gia tăng mối lo về sự dai dẳng của lạm phát và củng cố mối hoài nghi về việc liệu Fed có thể sớm cắt giảm lãi suất.
- **SSI:** Năm 2024, công ty đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất 8.112 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 3.398 tỷ đồng. So với kết quả 2023, các chỉ tiêu này tăng lần lượt 13% và 19%. Nếu hoàn thành, đây sẽ là mức doanh thu và lợi nhuận cao nhất của SSI từ trước đến nay. Con số lợi nhuận này nhỉnh hơn so với 3.365 tỷ đồng đạt được năm 2021 khi thị trường chứng khoán bùng nổ, các mảng kinh doanh đều thuận lợi.
- **VNM:** Năm nay, Vinamilk lên kế hoạch tổng doanh thu 63.163 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 9.376 tỷ; tăng lần lượt 4,4% và 4% so với thực hiện năm 2023. Đây sẽ là mức doanh thu cao kỷ lục của doanh nghiệp nếu đạt được. Vinamilk đề xuất tổng mức cổ tức là 38,5% mệnh giá, tương đương 3.850 đồng/cp.
- **SAB:** Trong quý I/2024, Sabeco ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực khi tăng tới gần 1.000 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái, đưa doanh thu vượt mốc 7.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.024 tỷ đồng.
- **VCI:** Kết thúc quý I/2024, CTCP Chứng khoán Vietcap ghi nhận doanh thu hoạt động 806 tỷ đồng, tăng mạnh 62% so với cùng kỳ với sự khởi sắc đến từ tất cả các mảng kinh doanh chính. Đáng chú ý, thị phần môi giới của VCI tăng mạnh nhất trong Top 10. Kết quả, Vietcap báo lãi trước thuế 227,5 tỷ đồng, lãi sau thuế đạt 198 tỷ đồng, gấp 2,7 lần cùng kỳ năm trước.
- **PVD:** Năm 2024, PVD đặt mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất đạt 6.200 tỷ đồng, tăng nhẹ so với thực hiện năm 2023; tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế dự kiến giảm 30%, về mức 380 tỷ đồng. Đối với Công ty mẹ, PVD đặt mục tiêu tổng doanh thu đạt 4.800 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 400 tỷ đồng, lần lượt giảm gần 2% và 27% so với thực hiện năm 2023.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.330,72	-0,07	12,98
Dầu WTI	83,77	0,24	16,92
Dầu Brent	89,24	0,26	15,84
Than	129,25	0,19	-11,71
Đồng	9.865,00	0,94	15,26
Quặng sắt	117,55	-0,09	-14,77
Thép	535,00	1,52	-5,25

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	105,619	0,02	4,23
USD/JPY	155,59	0,04	-9,35
USD/CNY	7,2451	-0,07	-2,00
EUR/USD	1,0727	-0,03	-2,83
GBP/USD	1,2504	-0,08	-1,78

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,50%	01/05/2024	0
ECB	4,50%	11/04/2024	0
BOE	5,25%	09/05/2024	0
BOJ	0,10%	26/04/2024	0
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
DIG	424,30	28.300	-1,22
SSI	373,26	35.350	-0,84
MWG	1.023,54	53.800	2,87
MBB	289,73	22.250	-1,33
HPG	320,18	28.550	-0,87

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	508.607,30	91.000	0,44
BID	282.741,62	49.600	-0,80
VHM	177.222,76	40.700	0,25
GAS	169.958,75	74.000	-0,80
CTG	177.209,73	33.000	0,15

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

MSN

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

THEO DÕI

68.100

75.800

14,85%

62.000-64.000

<61.000

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Năm 2024, Masan đặt mục tiêu doanh thu 84.000 - 90.000 tỷ đồng, tăng 7% - 15% so với năm ngoái. Chỉ tiêu LNST 2.250 - 4.020 tỷ đồng, tăng 20% - 115% so với cùng kỳ. Về phương án chia cổ tức năm 2023 và 2024, tập đoàn đều đề xuất không chia cổ tức.
- Ngày 22/4, Masan công bố đã hoàn tất thành công việc huy động vốn cổ phần trị giá 250 triệu USD từ Bain Capital, tương đương nhận về 6.228 tỷ đồng tiền mặt để cải thiện bảng cân đối kế toán. Trong vòng hai năm qua, tập đoàn thành công huy động được 1,5 tỷ USD từ thị trường vốn.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Trong thời gian 3 tháng gần đây, cổ phiếu MSN có sự bứt phá mạnh mẽ về thanh khoản giao dịch. Sau nhịp bứt phá cuối tháng 3, cổ phiếu hiện tại lại điều chỉnh về vùng nền giá tích lũy đầu năm 2023. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể xem xét giải ngân dần đối với cổ phiếu trong các nhịp điều chỉnh khi triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp vẫn được đánh giá cao.

Thông tin tài chính

	FY2021	FY2022	Q4 2023
DTT (tỷ đ)	88.629	76.189	20.782
LNTT (tỷ đ)	11.489	5.147	948
LNST (tỷ đ)	10.101	4.754	517
Nợ/VCSH (%)	137	194	182
ROE (%)	35,13	12,10	1,16
ROA (%)	7,08	2,67	0,21
EPS (VNĐ)	6.058	2.511	216,00
P/E (lần)	23,5	37,0	315,28
P/B (lần)	6,15	5,06	3,65

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	SELL	SELL	SELL
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	42,56	NEUTRAL	
MACD(12,26)	-2,01	SELL	
ADX(14)	24,80	SELL	
SMA5	66.620	BUY	
SMA20	70.570	SELL	
SMA50	72.350	SELL	
SMA100	68.860	SELL	
SMA200	71.850	SELL	

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
1	PVD	Theo dõi	28,2-28,8			34,5	28			
2	MBB	Theo dõi	21,8-22,2			25,5	21,2			
3	SSI	Theo dõi	32,2-33			39,2	31,5			
4	GVR	Theo dõi	26,8-27,8			31,8	26,5			
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	MWG	Nắm giữ	45-47,5	5/3/2024	47,5	54,3	44,2			13,26%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	VCI	Chốt lời	41,5-42,5	29/12/2023	42	48,2	40	21/2/2024	45	7,14%
2	DXG	Cắt lỗ	18,6-19,2	5/1/2024	19	21,5	18	23/2/2024	18	-5,26%
3	VHC	Chốt lời	63,5-65	19/2/2024	64,7	71,5	60,9	28/2/2024	70,9	9,58%
4	VGC	Chốt lời	51,8-53,5	31/1/2024	52,5	59,1	49,8	5/3/2024	56,9	8,19%
5	VCG	Cắt lỗ	24,8-25,2	29/1/2024	25,2	28,5	23,9	11/3/2024	23,9	-5,16%
6	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
7	VCI	Chốt lời	46-48	6/3/2024	47,5	55,2	44,5	15/3/2024	52,3	11,58%
8	VND	Cơ cấu	22,8-23,8	4/3/2024	23	27,3	21,8	26/3/2024	23,05	0,22%
9	NKG	Chốt lời	23-23,8	15/3/2024	23,75	27,6	22,4	28/3/2024	26,1	9,89%
10	VGC	Chốt lời	54-55,5	13/3/2024	55,5	61,8	51,8	2/4/2024	58,7	6,31%
11	KSB	Cơ cấu	25,5-26,5	15/3/2024	26,2	29,5	24,6	2/4/2024	26,2	0,00%
12	DPM	Cơ cấu	34,5-36	27/3/2024	35,85	39,8	33,8	2/4/2024	35,55	-0,84%
13	STB	Cắt lỗ	30-31,5	29/2/2024	31,3	35,6	29,1	5/4/2024	29,5	-5,75%
14	CII	Cắt lỗ	18,8-19,5	28/3/2024	19,3	21,8	18,5	5/4/2024	18,55	-3,89%
15	HSG	Cắt lỗ	22,8-24	3/4/2024	24	27,1	22,8	5/4/2024	22,8	-5,0%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.